TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/**2019/HNGĐ - ST
Ngày 20-8-2019
V/v Ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Trí
2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2019/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1995 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Xưởng F, bộ phận hàng mẫu, công ty RK RESOUR CES, ấp Đ, xã U, huyện B1, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02 tháng 12 năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm; trong cuộc sống, anh B không quan tâm đến chị. Thời gian chị mang bầu và sinh con, anh B đi làm không gửi tiền về cho chị để nuôi con dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau. Ngoài mâu thuẫn vợ chồng, còn có mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng không thể hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 5/2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay chị không có thai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị xin được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 06/12/2012 đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, kể từ tháng 8/2019.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, ngày 25 tháng 7 năm 2019, *tại Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Dương anh Nguyễn Văn B trình bày:* Anh và chị Ngô Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02 tháng 12 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 3 năm, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn về tình cảm. Từ đó, vợ chồng sống ly thân. Hai vợ chồng đi làm ở Bình Dương nhưng không sống chung với nhau mà mỗi người một nơi. Nay chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Về số con chung và ngày tháng năm sinh của con, anh thống nhất như chị T đã trình bày và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Giao cho chị T trực tiếp nuôi con, anh B cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh B theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn B có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến không còn tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị T xin được ly hôn anh B, về phía anh B cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung, hiện đang ở với chị T. Ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 8/2019. Về phía anh B cũng hoàn toàn đồng ý. HĐXX xét thấy chị T và anh B đã tự nguyện thống nhất việc giao nuôi con và mức cấp dưỡng nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh B không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Chị T và anh B không thuộc diện được miễn án phí nên chị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh B phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Ngô Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 06/12/2012. Anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, kể từ tháng 8/2019 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Anh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0001917 ngày 18/4/2018, chấp nhận chị T đã nộp đủ. Anh B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị T, vắng mặt anh B. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã T1;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Tình